

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2022
V/v: “Kiện ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Lanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hòa;
2. Ông Hoàng Văn Ngân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*** tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 13, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

2. ***Bị đơn:*** Anh Vui Văn D - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 1, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vui Văn D tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D

chơi bời, nợ nần không lo cho vợ con, do nợ nần anh D phạm tội phải đi cải tạo 02 năm 03 tháng, sau khi ra trại anh D vẫn không thay đổi, vẫn nợ nần không lo gì cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019, chị T sinh sống cùng bố, mẹ tại tổ 13, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, anh D sinh sống cùng bố, mẹ tại tổ 1, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay chị Nguyễn Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vui Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Vui Vũ Bảo N, sinh ngày 09/11/2015. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Vui Văn D phải cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con của chị T bảo đảm vì hiện tại chị T ở cùng bố mẹ, là giáo viên mầm non có thu nhập trung bình 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vui Văn D: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án cho anh D nhưng anh D không có văn bản trả lời, cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vui Văn D; Về con chung giao cháu Vui Vũ Bảo N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Anh Vui Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại điều khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Vui Văn D đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời, nợ nần không lo cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019. Tại đơn xin xác nhận ngày 21/01/2022 địa phương đã xác nhận chị T và anh D đã sống ly thân, chị T cùng cháu N sinh sống cùng gia đình bà Phạm Thị T tại **tổ 13, phường B, thành phố L. Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2021 xác định anh D đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại tổ 1, phường D, thành phố L.** Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Vui Văn D.

[2.2] Về con chung: Xét việc giao nuôi con thì thấy rằng chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được cháu Vui Vũ Bảo N. Anh D không đến Tòa án cũng không có văn ghi ý kiến của mình về việc ly hôn và giao nuôi con. Chị T có chỗ ở ổn định, là giáo viên mầm non thu nhập trung bình 4.000.000 đồng/tháng, hiện nay cháu N đang sinh sống cùng chị T. Vì vậy căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nam là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vui Văn D. Quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Vui Văn D được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Vùi Vũ Bảo N, sinh ngày 09/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Vùi Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T. Anh Vùi Văn D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001253 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được trừ vào tiền án phí phải nộp.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã Quang Kim,
huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị T Lanh